

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HS-ST

A1y 13 - 5 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Anh Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Mai

Bà Bùi Thị Bích Liên

- Thư ký phiên toà: Bà Triệu Mỹ Linh – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà:
Ông Vũ Văn Hậu - Kiểm sát viên.

A1y 13 tháng 5 năm 2020, tại Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 76/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 12 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2019/QĐXXST-HS ngày 31/12/2019 đối với bị cáo:

Trần Thị Thu T (Tên gọi khác: Trần Thị T), sinh năm 1969 tại xã K, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn 7, xã K, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt V1; con ông Trần Văn U và bà Đàm Thị Th, có chồng là Trần U1 P và có 03 con; tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: A1y 05/6/2009, Trần Thị Thu T bị Công an huyện D xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/12/2019 đến ngày 31/12/2019 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Đỗ Thị Thúy V, sinh năm 1985; trú tại: Thôn 7, xã K, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc (Vắng mặt).

+ Ông Đỗ Viết M, sinh năm 1962; trú tại: Thôn số 8, xã K, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc (Vắng mặt).

+ Anh Trần Văn I, sinh năm 1970; trú tại: xã K, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị Thu T có thỏa thuận với đối tượng tên là O ở thị trấn C, huyện h, tỉnh Vĩnh Phúc về việc ghi lô đề, theo đó 01 điểm lô T phải thanh toán với O là 22.000đ, nhưng T thu của người đến chơi lô là 22.500đ và 10.000đ tiền đề thì T chỉ phải nộp cho O 8.000đ, sau đó chuyển toàn bộ số tiền lô đề cho O và nhận tiền chênh lệch. Khoảng 17 giờ 50 phút ngày 25/12/2019, khi Trần Thị Thu T đang thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức mua, bán số lô, số đề tại nhà với 02 đối tượng Nguyễn Văn P và Nguyễn Thị N, đều trú tại xã Ê, huyện S, tỉnh Tuyên C1 thì bị phát hiện bắt quả tang. Cụ thể như sau:

Nguyễn Văn P mua của T 02 số lô: 86, 68 mỗi số 70 điểm (Tổng số 140 điểm \times 22.500đ = 3.150.000đ và 02 số đề: 86, 68 mỗi số 150.000đ = 300.000đ, tổng số tiền 3.150.000đ + 300.000đ = 3.450.000đ).

Nguyễn Thị N mua của T 01 số lô: 45 = 60 điểm \times 22.500đ = 1.350.000đ và các số đề: 45 = 150.000đ, số 30 = 120.000đ, tổng số tiền mua là 1.350.000đ + 150.000đ + 120.000đ = 1.620.000đ.

Tổng số tiền chơi lô đề khi phát hiện bắt quả tang là 3.450.000đ + 1.620.000đ = 5.070.000đ. Sau đó, T viết các số lô, số đề vừa bán cho P, N vào 01 tờ giấy để T theo dõi. Khi T vừa nhận tổng số tiền 5.070.000đ mà P và N trả cho T để mua các số lô, số đề thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Vĩnh Phúc phát hiện bắt quả tang. Vật chứng thu giữ: 20.050.000đ; 02 điện thoại di động; 04 tờ giấy ghi các số lô, số đề; 01 máy tính; 01 chiếc bút.

Ngoài ra trong quá trình bắt quả tang có 03 đối tượng: Nguyễn Thị A1, Nguyễn Phú B1, Hoàng Anh C1 có mặt tại nhà của T nhưng chưa kịp ghi số lô số đề thì bị Cơ quan Công an phát hiện.

A1y 15/01/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Vĩnh Phúc có Quyết định số 70 trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định tài liệu (chữ viết, chữ số) đối với 04 tờ giấy thu giữ của Trần Thị Thu T. Tại bản kết luận giám định số 218/KLGD ngày 01/2/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận:

Chữ viết, chữ số trên các tài liệu cần giám định (Ký hiệu: A1, A2 và A4) so với các chữ viết, chữ số của Trần Thị T, trên tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu: M1) là do cùng một người viết ra.

Chữ viết, chữ số trên các tài liệu cần giám định (Ký hiệu: A3) so với các chữ viết, chữ số của Trần Thị T, trên tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu: M1) là không phải do cùng một người viết ra.

Đối với nội dung các con số ghi trong 04 tờ giấy mà quá trình bắt quả tang Cơ quan điều tra thu giữ được, T khai nhận là các số lô số đề mà T bán cho khách đến mua trong ngày 25/12/2019, trong đó có 03 tờ T trực tiếp viết các số lô đề, 01 tờ khách trực tiếp viết và ký tên. Nội dung cụ thể như sau:

- Anh X1 khoảng 35 tuổi, không rõ địa chỉ cụ thể, đến ghi lô đề với T: Số lô: 26 = 01 điểm, 62 = 01 điểm, 34 = 10 điểm, 39 = 10 điểm; số đề 26 = 2.000đ, 87 = 2.000đ, 39 = 20.000đ, 98 = 20.000đ, tổng số tiền đánh bạc của X1 với T là 550.000đ.

- Anh Y1 khoảng 40 tuổi, không rõ địa chỉ cụ thể, đến ghi lô đề với T: Số đề 56, 65, 53, 35, 59, 95, 07, 70, 77, 44, 19, 91, 52, 29, 92, 55, 23, 99, 89, 98 mỗi số 80.000đ; 69, 96, 79, 78 mỗi số 50.000đ; Số lô 56 = 50 điểm, 65 = 50 điểm, T thỏa thuận với Y1 22.500đ/ 1 điểm lô, tổng số tiền đánh bạc của T với Y1 là 4.050.000đ.

- Ông V1 khoảng 50 tuổi, không rõ địa chỉ cụ thể ở K, D đến ghi lô đề với T: Số lô 26 = 5 điểm, số tiền đánh bạc của V1 với T là 115.000đ.

- Ông U1 khoảng 60 tuổi, không rõ địa chỉ cụ thể, đến ghi lô đề với T: Số đề 18, 54, 25, 22, 37, 43, 99, 49, 11, 02, 66, 46, 88, 39, 15, 78 mỗi số 5.000đ; 80, 40, 04, 61, 16, 45, 52, 69, 96, 73, 34, 82, 28, 23, 32, 20, 74, 64, 93, 87 mỗi số 10.000đ, tổng số tiền đánh bạc của U1 với T là 280.000đ.

- Ông D1 khoảng 50 tuổi, không rõ địa chỉ cụ thể, đến ghi số lô 97 = 100 điểm, số tiền đánh bạc của D1 với T là 2.250.000đ.

- Ông E1 khoảng 40 tuổi, T không rõ địa chỉ cụ thể, đến ghi lô đề với T: Số lô 29, 92, 25, 33, 83 mỗi số 20 điểm, lô xiên 25, 29, 83 = 10.000đ, tổng số tiền đánh bạc của E1 với T là 2.260.000đ.

- Chị Đỗ Thị Thúy V, chồng tên là G1 ở thôn 7, K, D, đến ghi lô đề với T: Số đề 01, 10 mỗi số 10.000đ, 14, 41, 19, 91, 46, 64, 96, 69, 00 mỗi số 5.000đ; số lô: 19, 91, 56, 65, 20 mỗi số 2 điểm, tổng số tiền đánh bạc của Vân và T là: 290.000đ.

- Chị N khoảng 30 tuổi, không rõ địa chỉ cụ thể, đến ghi lô đề với T: Số lô 02, 20 mỗi số 10 điểm; 83, 88 mỗi số 4 điểm; 68, 86 mỗi số 3 điểm; Số đề 23, 82, 32, 03 mỗi số 10.000đ; 02, 12 mỗi số 30.000đ; 52, 30, 21, 20, 35, 53 mỗi số 15.000đ, tổng số tiền đánh bạc của N và T 955.000đ, N đã thanh toán cho T 343.000đ.

- Ông H1 khoảng hơn 40 tuổi, không rõ địa chỉ cụ thể, đến ghi lô đề với T: Số lô 19, 91 mỗi số 5 điểm; số đề 19, 91 mỗi số 10.000đ, tổng số tiền đánh bạc của H1 và T là: 245.000đ.

- Ông L1 khoảng hơn 50 tuổi, không rõ địa chỉ cụ thể, đến ghi lô đề với T: Số lô 27, 72 mỗi số 3 điểm, 59 = 4 điểm, tổng số tiền đánh bạc của L1 và T là: 225.000đ.

- Ông S1 khoảng 50 tuổi, không rõ địa chỉ cụ thể, đến ghi lô đề với T: Số đề 27, 72 mỗi số 5.000đ, số tiền đánh bạc của S1 và T là: 10.000đ.

- Ông A1 khoảng 40 tuổi, không rõ tên địa chỉ cụ thể, đến ghi lô đề với T: Số lô 26, 62, 36, 63, 69 mỗi số 5 điểm, lô tính giá 23.000đ/ 1 điểm; số đề: 49, 36, 63 mỗi số 10.000đ, 94, 69 mỗi số 15.000đ, tổng số tiền đánh bạc của A1 với T là: 635.000đ.

- Ông Đỗ Viết M khoảng 60 tuổi, vợ là Tình, nhà ở Km 8, K, D, đến ghi lô đề với T: Số lô 00, 01, 10, mỗi số 03 điểm, lô tính giá 23.000đ/ 1 điểm, số tiền đánh bạc của M với T là: 207.000đ.

- Ông H1 khoảng hơn 50 tuổi, không rõ địa chỉ cụ thể, đến ghi lô đề với T: Số lô 26 = 20 điểm, 57 = 10 điểm, lô xiên 26, 57 = 10.000đ, số tiền đánh bạc của H1 với T là: 685.000đ.

- Ông U1, không rõ địa chỉ cụ thể, đến ghi lô đề với T: số lô 30 = 10 điểm, lô tính giá 22.500đ/ 1 điểm, đề 94 = 50.000đ, số tiền đánh bạc của U1 với T là: 275.000đ.

- Ông N1, không rõ địa chỉ cụ thể, đến ghi lô đề với T: Số đề 33, 44 mỗi số 10.000đ, 99 = 5.000đ, số tiền đánh bạc của N1 với T là: 25.000đ.

- Anh M1 khoảng hơn 30 tuổi, không rõ địa chỉ cụ thể, đến ghi lô đề với T: Số đề 12, 21, 26, 62 mỗi số 10.000đ, ba càng 121, 161 mỗi số 10.000đ, số tiền đánh bạc của M1 với T là 60.000đ.

- Chị O1 là nhân viên quán hát, không biết thông tin cá nhân gì khác, đến ghi lô đề với T: Số đề 02, 52, 54, 62 mỗi số 30.000đ, số lô 92 = 10 điểm, lô tính giá 23.000đ/ 1 điểm, số tiền đánh bạc của O1 với T là: 350.000đ.

- Anh E1 khoảng 40 tuổi, không rõ địa chỉ cụ thể, đến ghi lô đề với T: Số đề 93, 78, 66, 56, 65 mỗi số 5.000đ, 70, 72, 32 mỗi số 10.000đ, 77 = 100.000đ, ba càng 577 = 30.000đ, số lô 19 = 10 điểm, số tiền đánh bạc của E1 với T là: 415.000đ.

- Một người nam giới khoảng 45 tuổi, không rõ tên tuổi địa chỉ cụ thể, đến ghi lô đề với T: Số lô 47, 74, 26, 12, 19, 33, 72 mỗi số 3 điểm, số tiền đánh bạc của người này với T là 483.000đ, T đã thu đủ tiền.

- Anh Trần Văn I khoảng 45 tuổi, ở xóm Mới, K, D, đến ghi lô đề với T: Số lô 42 = 3 điểm, 24 = 1 điểm, số tiền đánh bạc của I với T là: 92.000đ.

Trong ngày 25/12/2019, tổng số tiền Trần Thị Thu T đánh bạc bằng hình thức ghi lô đề với các đối tượng như đã nêu trên là: 19.527.000đ (19.527.000),

do bị phát hiện trước khi có kết quả xổ số miền Bắc, vì vậy chưa xác định được kết quả thắng thua.

Đối với các bảng đề trước đó T khai nhận chuyển cho O sau khi thanh toán T đã tiêu hủy hết, vì vậy không có căn cứ để xác định số tiền đánh bạc các ngày trước đó của T.

Đối với số tiền 20.050.000đ, quá trình điều tra T khai nhận là tiền T thu được của các đối tượng đến đánh bạc với T bằng hình thức ghi lô, đề này 25/12/2019 và tiền T thu lời bất chính được trong quá trình đánh bạc của ngày hôm trước. Đề nghị tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

Đối với 02 chiếc điện thoại di động thu giữ được của T trong quá trình bắt quả tang, Cơ quan điều tra đã tiến hành kiểm tra điện thoại, không có nội dung gì liên quan đến hành vi đánh bạc. T khai nhận sử dụng các điện thoại trên để liên lạc với gia đình và bạn bè, không dùng vào việc phạm tội. Vì vậy, cần trả lại cho T nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 máy tính; 01 chiếc bút thu giữ được của T tại thời điểm bắt quả tang, là các dụng cụ dùng vào việc phạm tội, đề nghị tịch thu tiêu hủy do không còn giá trị sử dụng.

Tại bản Cáo trạng số 24/CT-VKS-P1 ngày 18/3/2020 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Trần Thị Thu T về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm, phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Thị Thu T phạm tội “Đánh bạc”. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt: Trần Thị Thu X1 tù 07 tháng đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thử thách từ 01 năm 02 tháng đến 01 năm 06 tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Không đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng của vụ án, đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự:

Đề nghị Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 20.050.000đ là tiền T thu được của các đối tượng đến đánh bạc với T ngày 25/12/2019 và tiền T thu lời bất chính được trong quá trình đánh bạc.

Trả lại cho T 02 chiếc điện thoại di động đã thu giữ, không dùng vào việc phạm tội nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

Tịch thu tiêu hủy 01 máy tính; 01 chiếc bút đã thu giữ của T do không còn giá trị sử dụng.

Bị cáo nói lời sau cùng, do nhận thức pháp luật hạn chế đã vi phạm pháp luật nên rất ăn năn hối lỗi về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra tỉnh Vĩnh Phúc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và xét hỏi công khai tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị Thu X1 đã khai nhận rõ toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với các tình tiết khách quan đã được cơ quan Cảnh sát điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án, đúng với hành vi phạm tội của bị cáo. Như vậy, Hội đồng xét xử một lần nữa có đủ cơ sở kết luận về hành vi phạm tội của các bị cáo như sau: Trần Thị Thu T có thỏa thuận với đối tượng tên là O ở thị trấn C, huyện X, tỉnh Vĩnh Phúc về việc ghi lô đề theo đó 01 điểm lô là 22.000đ, T thu của người đến chơi lô là 22.500đ và 10.000đ tiền đề thì T chỉ phải nộp cho O 8.000đ, sau đó chuyển toàn bộ số tiền lô đề cho O và được nhận tiền chênh lệch. Khoảng 17h50 cùng ngày, khi T đang thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức mua, bán số lô, số đề với 02 đối tượng Nguyễn Văn P và Nguyễn Thị N thì bị phát hiện bắt quả tang. Trong đó Nguyễn Văn P mua của T 02 số lô: 86, 68 mỗi số 70 điểm (Tổng số 140 điểm \times 22.500đ = 3.150.000đ và 02 số đề: 86, 68 mỗi số 150.000đ = 300.000đ, tổng số tiền 3.150.000đ + 300.000đ = 3.450.000đ, còn Nguyễn Thị N mua của T 01 số lô: 45 = 60 điểm \times 22.500đ = 1.350.000đ và số đề: 45 = 150.000đ, số 30 = 120.000đ = 270.000đ, tổng số tiền 1.350.000đ + 270.000đ = 1.620.000đ (Tổng số tiền chơi lô đề khi phát hiện bắt quả tang là 3.450.000đ + 1.620.000đ = 5.070.000đ) rồi T viết các số lô, số đề vừa bán cho P, N vào 01 tờ giấy để T theo dõi. Khi T vừa nhận tổng số tiền 5.070.000đ mà P và N trả cho T để mua các số lô, số đề thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Vĩnh Phúc phát hiện bắt quả tang. Vật chứng thu giữ: 20.050.000đ; 02 điện thoại di động; 04 tờ giấy ghi các số lô, số đề; 01 máy tính; 01 chiếc bút.

Quá trình điều tra, T khai nhận ngoài lần đánh bạc bằng hình thức lô đề với P và N thì cùng ngày 25/12/2019, T còn đánh với các đối tượng:

- Anh X1 khoảng 35 tuổi, T không rõ địa chỉ cụ thể, đến ghi lô đề với T: Số lô: 26 = 1 điểm, 62 = 01 điểm, 34 = 10 điểm, 39 = 10 điểm; số đề 26 = 2.000đ, 87 = 2.000đ, 39 = 20.000đ, 98 = 20.000đ, tổng số tiền đánh bạc của X1 với T là 550.000đ.

- Anh Y1 khoảng 40 tuổi, T không rõ địa chỉ cụ thể, đến ghi lô đề với T: Số đề 56, 65, 53, 35, 59, 95, 07, 70, 77, 44, 19, 91, 52, 29, 92, 55, 23, 99, 89, 98 mỗi số 80.000đ; 69, 96, 79, 78 mỗi số 50.000đ; Số lô 56 = 50 điểm, 65 = 50 điểm, T thỏa thuận với Y1 22.500đ/ 1 điểm lô, tổng số tiền đánh bạc của T với Y1 là 4.050.000đ.

- Ông V1 khoảng 50 tuổi, ở K, D đến ghi lô đề với T: Số lô 26 = 5 điểm, số tiền đánh bạc của V1 với T là 115.000đ.

- Ông U1 khoảng 60 tuổi, T không rõ địa chỉ cụ thể, đến ghi lô đề với T: Số đề 18, 54, 25, 22, 37, 43, 99, 49, 11, 02, 66, 46, 88, 39, 15, 78 mỗi số 5.000đ; 80, 40, 04, 61, 16, 45, 52, 69, 96, 73, 34, 82, 28, 23, 32, 20, 74, 64, 93, 87 mỗi số 10.000đ, tổng số tiền đánh bạc của U1 với T là 280.000đ.

- Ông D1 khoảng 50 tuổi, T không rõ địa chỉ cụ thể, đến ghi số lô 97 = 100 điểm, số tiền đánh bạc của D1 với T là 2.250.000đ.

- Ông E1 khoảng 40 tuổi, T không rõ địa chỉ cụ thể, đến ghi lô đề với T: Số lô 29, 92, 25, 33, 83 mỗi số 20 điểm, lô xiên 25, 29, 83 = 10.000đ, tổng số tiền đánh bạc của E1 với T là 2.260.000đ.

- Chị Đỗ Thị Thúy V, chồng tên là G1 ở thôn 7, K, D, đến ghi lô đề với T: Số đề 01, 10 mỗi số 10.000đ, 14, 41, 19, 91, 46, 64, 96, 69, 00 mỗi số 5.000đ; số lô: 19, 91, 56, 65, 20 mỗi số 2 điểm, tổng số tiền đánh bạc của Vân và T là: 290.000đ.

- Chị N khoảng 30 tuổi, T không rõ địa chỉ cụ thể, đến ghi lô đề với T: Số lô 02, 20 mỗi số 10 điểm; 83, 88 mỗi số 4 điểm; 68, 86 mỗi số 3 điểm; Số đề 23, 82, 32, 03 mỗi số 10.000đ; 02, 12 mỗi số 30.000đ; 52, 30, 21, 20, 35, 53 mỗi số 15.000đ, tổng số tiền đánh bạc của N và T 955.000đ, N đã thanh toán cho T 343.000đ.

- Ông H1 khoảng hơn 40 tuổi, T không rõ địa chỉ cụ thể, đến ghi lô đề với T: Số lô 19, 91 mỗi số 5 điểm; số đề 19, 91 mỗi số 10.000đ, tổng số tiền đánh bạc của H1 và T là: 245.000đ.

- Ông L1 khoảng hơn 50 tuổi, T không rõ địa chỉ cụ thể, đến ghi lô đề với T: Số lô 27, 72 mỗi số 3 điểm, 59 = 4 điểm, tổng số tiền đánh bạc của L1 và T là: 225.000đ.

- Ông S1 khoảng 50 tuổi, T không rõ địa chỉ cụ thể, đến ghi lô đề với T: Số đề 27, 72 mỗi số 5.000đ, số tiền đánh bạc của S1 và T là: 10.000đ.

- Ông A1 khoảng 40 tuổi, T không rõ tên địa chỉ cụ thể, đến ghi lô đề với T: Số lô 26, 62, 36, 63, 69 mỗi số 5 điểm, lô tính giá 23.000đ/ 1 điểm; số đề: 49, 36, 63 mỗi số 10.000đ, 94, 69 mỗi số 15.000đ, tổng số tiền đánh bạc của A1 với T là: 635.000đ.

- Ông Đỗ Viết M khoảng 60 tuổi, vợ là Tình, nhà ở Km 8, K, D, đến ghi lô đề với T: Số lô 00, 01, 10, mỗi số 03 điểm, lô tính giá 23.000đ/ 1 điểm, số tiền đánh bạc của M với T là: 207.000đ.

- Ông H1 khoảng hơn 50 tuổi, T không rõ địa chỉ cụ thể, đến ghi lô đề với T: Số lô 26 = 20 điểm, 57 = 10 điểm, lô xiên 26, 57 = 10.000đ, số tiền đánh bạc của H1 với T là: 685.000đ.

- Ông U1, T không rõ địa chỉ cụ thể, đến ghi lô đề với T: số lô 30 = 10 điểm, lô tính giá 22.500đ/ 1 điểm, đề 94 = 50.000đ, số tiền đánh bạc của U1 với T là: 275.000đ.

- Ông N1, T không rõ địa chỉ cụ thể, đến ghi lô đề với T: Số đề 33, 44 mỗi số 10.000đ, 99 = 5.000đ, số tiền đánh bạc của N1 với T là: 25.000đ.

- Anh M1 khoảng hơn 30 tuổi, T không rõ địa chỉ cụ thể, đến ghi lô đề với T: Số đề 12, 21, 26, 62 mỗi số 10.000đ, ba càng 121, 161 mỗi số 10.000đ, số tiền đánh bạc của M1 với T là 60.000đ.

- Chị O1 là nhân viên quán hát, T không biết thông tin cá nhân gì khác, đến ghi lô đề với T: Số đề 02, 52, 54, 62 mỗi số 30.000đ, số lô 92 = 10 điểm, lô tính giá 23.000đ/ 1 điểm, số tiền đánh bạc của O1 với T là: 350.000đ.

- Anh E1 khoảng 40 tuổi, T không rõ địa chỉ cụ thể, đến ghi lô đề với T: Số đề 93, 78, 66, 56, 65 mỗi số 5.000đ, 70, 72, 32 mỗi số 10.000đ, 77 = 100.000đ, ba càng 577 = 30.000đ, số lô 19 = 10 điểm, số tiền đánh bạc của E1 với T là: 415.000đ.

- Một người nam giới khoảng 45 tuổi, không rõ tên tuổi địa chỉ cụ thể, đến ghi lô đề với T: Số lô 47, 74, 26, 12, 19, 33, 72 mỗi số 3 điểm, số tiền đánh bạc của người này với T là 483.000đ, T đã thu đủ tiền.

- Anh Trần Văn I khoảng 45 tuổi, ở xóm Mới, K, D, đến ghi lô đề với T: Số lô 42 = 3 điểm, 24 = 1 điểm, số tiền đánh bạc của I với T là: 92.000đ.

A1y 25/12/2019, T khai nhận đánh bạc bằng hình thức ghi lô đề với các đối tượng như đã nêu trên, khi phát hiện bắt quả tang là 5.070.000đ, do bị phát hiện trước khi có kết quả xổ số miền Bắc, vì vậy chưa xác định được kết quả thắng thua.

[3] Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Trần Thị Thu T có số tiền dùng vào việc đánh bạc trên 5.000.000đ nên hành vi của bị cáo, phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự

quy định: “1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền... trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng..... thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[4] Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng. Bị cáo đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền thông qua kết quả xổ số, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương và quản lý của Nhà nước về kết quả mở thưởng xổ số. Trong vụ án này bị cáo Trần Thị Thu T người nhận đánh bạc sát phạt với các đối tượng dựa trên kết quả xổ số.

[5] Xét về nhân thân của bị cáo thấy rằng: Năm 2009 bị cáo đã bị Công an huyện D xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cải tạo bản thân. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo có nơi cư trú ổn định, sức khỏe không được tốt, gia đình có mẹ đẻ và chồng được tặng thưởng nhiều huân, huy chương. Khi lượng hình cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện cải tạo, sớm trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo làm nông nghiệp, theo thời vụ, thu nhập không ổn định, do vậy Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Đối với Đỗ Viết M, Đỗ Thị Thúy V, Trần Văn I, có số tiền dùng vào việc đánh bạc của mỗi người đều dưới 5.000.000đ; nhân thân đều chưa có tiền án, tiền sự (I năm 2006 đã bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc nhưng tính đến thời điểm phạm tội mới đã hết thời hiệu), do đó hành vi của M, Đỗ Thị T, I đều chưa cấu thành tội Đánh bạc. A1y 20/02/2020, Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp quy định của pháp luật.

[8] Đối với Nguyễn Văn P và Nguyễn Thị N là 02 đối tượng mua số lô, số đề của Trần Thị Thu T khi làm việc với cơ quan điều tra 02 đối tượng khai nơi cư trú là xã Ê, huyện S, tỉnh Tuyên C1. Cơ quan điều tra đã tiến hành triệu tập và xác minh tại địa chỉ mà 02 đối tượng khai nhưng không có người nào có tên, tuổi như các đối tượng khai. Do vậy, không có căn cứ để xử lý, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh khi nào làm rõ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

[9] Đối với các đối tượng còn lại T khai đã mua số lô, số đề với T, do không xác định được tên tuổi, địa chỉ cụ thể nên không có cơ sở để xử lý.

[10] Đối với Nguyễn Thị A1, Nguyễn Văn B1 và Hoàng Anh C1 ngày 25/12/2019 đến nhà T nhưng khi Cơ quan Công an vào kiểm tra bắt quả tang thì A1, B1 và C1 chưa kịp mua số lô, số đề của T. Do vậy không có căn cứ để xử lý đối với A1, B1 và C1.

[11] Đối với đối tượng tên là O, Trần Thị Thu T khai nhận sau khi bán được số lô, số đề T thống kê vào một tờ giấy (bảng lô, đề) rồi chuyển cho một người phụ nữ tên là O, khoảng 50 tuổi, ở thị trấn C, huyện X, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước đó, O có 01 lần đến nhà T và thỏa thuận với T về việc hàng ngày T chuyển bảng cho O và nhận tiền chênh lệch. T đã một vài lần chuyển bảng lô đề cho O, nhưng O không trực tiếp đến lấy bảng đề mà có một người T khai nhận không quen biết tên tuổi, địa chỉ của người này đến lấy và thanh toán tiền bảng đề của ngày hôm trước cho T. Bản thân T không biết rõ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của người có tên O ở đâu, T cũng không nhận dạng được O. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh trên địa bàn thị trấn C, huyện X, không có người nào tên là O có biểu hiện liên quan đến việc đánh bạc bằng hình thức lô đề. Vì vậy, không đủ căn cứ để xác minh làm rõ, xử lý đối tượng có tên O.

[12] Về vật chứng của vụ án:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước Đối với số tiền 20.050.000đ là tiền T khai đã sử dụng vào việc đánh bạc ngày 25/12/2019 và của những ngày hôm trước.

Trả lại cho T 02 chiếc điện thoại di động, không dùng vào việc phạm tội nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

Tịch thu tiêu hủy 01 máy tính; 01 chiếc bút đã thu giữ của T do không còn giá trị sử dụng.

[13] Về án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Trần Thị Thu T phải chịu 200.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Trần Thị Thu T phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt: Trần Thị Thu T 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thử thách 01 năm 06 tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Thị Thu T cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng Điều 47, Điều 106, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 20.050.000đ là tiền T khai đã sử dụng vào việc đánh bạc.

Trả lại cho T 02 chiếc điện thoại di động, không dùng vào việc phạm tội nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

Tịch thu tiêu hủy 01 máy tính; 01 chiếc bút đã thu giữ của T do không còn giá trị sử dụng (Có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/12/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc và Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc).

Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Trần Thị Thu T phải chịu 200.000đ.

Bị cáo Trần Thị Thu T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội;
- Phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- UBND xã K, D, Vĩnh Phúc;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, Phòng HC-TP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đỗ Anh Cường